

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN CÓ SỐ TIẾT THỪA VƯỢT TRÊN 200 TIẾT NĂM HỌC 2013-2014 VÀ 2014-2015

STT	HỌ TÊN		ĐƠN VỊ	Số tiết thừa, thiếu NH 2014- 2015	Số tiết thừa NH 2013-2014	Tổng số tiết thừa sau khi cần trừ tiết thiếu (14-15)	Ghi chú
1	2			4			
1	Nguyễn Văn	Danh	CNTT	0.0	56.2	56.2	
2	Nguyễn Văn	Giang	CNTT	0.0	708.1	708.1	
3	Nguyễn Thị Thu	Hồng	CNTT	0.0	7.0	7.0	
4	Nguyễn	Khoa	CNTT	0.0	50.3	50.3	
5	Nguyễn Văn	Minh	CNTT	0.0	132.7	132.7	
6	Nguyễn Thị Khánh	Thư	CNTT	0.0	67.4	67.4	
7	Nguyễn Thị	Thủy	CNTT	-28.0	85.2	57.2	
8	Đỗ Thị	Thơm	LLCT	0.0	22.1	22.1	
9	Trần Kim Thu	Liễu	KHCB	11.8	21.5	33.3	
10	Phạm Thị Thu	Nga	KHCB	0.0	12.6	12.6	
11	Đặng Thị Nhật	Minh	KHCB	0.0	71.7	71.7	
12	Hồ Thị	Anh	Đ-ĐT	0.0	36.4	36.4	
13	Ngô Hoàng	Anh	Đ-ĐT	0.0	41.8	41.8	
14	Châu Văn	Bảo	Đ-ĐT	27.2	0.0	27.2	
15	Ngô Phong	Cường	Đ-ĐT	-77.5	186.7	109.2	
16	Nguyễn Minh Đức	Cường	Đ-ĐT	0.0	70.4	70.4	
17	Võ	Cường	Đ-ĐT	-5.2	213.5	208.3	
18	Nguyễn Minh	Đức (A)	Đ-ĐT	37.0	0.0	37.0	
19	Tăng Cẩm	Huê	Đ-ĐT	0.0	73.4	73.4	
20	Trần Thị	Lệ	Đ-ĐT	0.0	60.6	60.6	
21	Nguyễn Huỳnh	Liên	Đ-ĐT	0.0	173.6	173.6	
22	Huỳnh Ngọc	Mai	Đ-ĐT	0.0	79.7	79.7	
23	Đặng Đức	Minh	Đ-ĐT	0.0	15.2	15.2	
24	Nguyễn Thị Tổ	Nga	Đ-ĐT	0.0	6.3	6.3	
25	Nguyễn Anh	Tăng	Đ-ĐT	0.0	19.8	19.8	
26	Quách Minh	Thư	Đ-ĐT	0.0	44.8	44.8	
27	Trần Công	Tiến	Đ-ĐT	0.0	39.8	39.8	
28	Bốc Minh	Trí	Đ-ĐT	-0.8	100.2	99.4	
29	Nguyễn Trọng	Trí	Đ-ĐT	0.0	44.8	44.8	
30	Trương Việt Khánh	Trang	CN May	71.1	74.6	145.7	
31	Lâm Thị Phương	Thùy	CN May	0.0	44.9	44.9	

STT	HỌ TÊN	ĐƠN VỊ	Số tiết thừa, thiếu NH 2014 2015	Số tiết thừa NH 2013-2014	Tổng số tiết thừa sau khi cần trừ tiết thiếu (14-15)	Ghi chú
32	Bùi Thị Ngọc Sương	CN Máy	0.0	4.2	4.2	

STT	HỌ TÊN	ĐƠN VỊ	Số tiết thừa, thiếu NH 2014 2015	Số tiết thừa NH 2013-2014	Tổng số tiết thừa sau khi cần trừ tiết thiếu (14-15)	Ghi chú
33	Nguyễn Thanh Hùng	ĐLƯC	-45.9	46.9	1.0	
34	Phan Anh Tuấn Kiệt	ĐLƯC	-101.8	135.4	33.6	
35	Nguyễn Hữu Mạnh	ĐLƯC	0.0	123.9	123.9	
36	Triệu Phú Nguyên	ĐLƯC	-45.3	167.9	122.6	
37	Nguyễn Ngọc Phương	ĐLƯC	230.3	230.6	460.9	
38	Nguyễn Minh Thái	ĐLƯC	-29.0	76.7	47.7	
39	Võ Đắc Thịnh	ĐLƯC	0.0	204.3	204.3	
40	Phạm Nguyễn Đức Trung	ĐLƯC	-84.4	86.9	2.5	
41	Nguyễn Anh Tuấn	ĐLƯC	0.0	32.3	32.3	
42	Dương Minh Chung	CK	0.0	62.0	62.0	
43	Nguyễn Tam Cương	CK	0.0	164.7	164.7	
44	Nguyễn Duy Hải	CK	0.0	28.3	28.3	
45	Trương Thị Phương Hồng	CK	248.3	174.7	423.0	
46	Vũ Quang Khải	CK	0.0	232.3	232.3	
47	Đỗ Thị Phương Khanh	CK	0.0	306.2	306.2	
48	Nguyễn Tiến Nhân	CK	57.2	210.5	267.7	
49	Vũ Đức Pháp	CK	0.0	103.3	103.3	
50	Phan Văn Thành	CK	0.0	71.6	71.6	
51	Chung Trần Thế Vinh	CK	0.0	245.5	245.5	
	TỔNG CỘNG		265.0	5269.5	5534.5	

Người lập biểu

Tp.HCM, ngày tháng năm 2015
Trưởng phòng Kế hoạch -Tài chính

Hồng Mộng Tuyết Dung

Nguyễn Kính